TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2017
"Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 13/2017/DSST ngày 22 tháng 02 năm 2017 *"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2016/QĐXX ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng L - sinh năm 1968, bà Phạm Thị T - sinh năm 1973; đều có hộ khẩu thường trú tại: phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện trú tại: khu đô thị B, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T (bà T) là ông Nguyễn Đăng L (ông L) (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồng Mỹ T (ông T)- sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị N (bà N)- sinh năm 1964; đều trú tại: đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N: Anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1980- Công ty TNHH MTV T (văn bản ủy quyền ngày 25/7/2017 vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH C; trụ sở: Xóm C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc (có mặt).

- Ông Nguyễn Đăng C (ông C)- sinh năm 1960; trú tại: Đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Nguyễn Đăng Đ- sinh năm 1965; trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C và ông Đ: Ông Nguyễn Đăng L (có mặt).

- Ngân hàng TMCP C;

Địa chỉ: Số 108 đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L- Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh Bình Xuyên (văn bản ủy quyền số 344 ngày 16/5/2016 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T (người đại diện theo ủy quyền của bà Tlà ông Nguyễn Đăng L) trình bày:

Ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N có ký giấy nhận nợ ngày 12/6/2015 đối với ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T số tiền là 4.307.777.000 đồng với nội dung: Ông T, bà N thống nhất nhận nợ tiền vay của ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T tổng số tiền là 4.307.777.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay trên cam kết được trả lãi hàng tháng theo lãi suất Ngân hàng. Nguyên nhân của việc ký giấy nhận nợ là do ngày 22/12/2013 Ông T và bà N nhờ ông L với tư cách là Giám đốc của Công ty TNHH C đứng tên vay hộ tiền tại Ngân hàng C- chi nhánh Bình Xuyên với số tiền 1,5 tỷ đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 73,9m^2 thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41 + 52 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hồng Mỹ T. Ngoài ra ông L và bà T có cho Ông T, bà N vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng Ông T, bà N vay là 1,6 tỷ đồng. Ông T và bà N còn vay của các anh trai ông L là ông Nguyễn Đăng Đ số tiền 150.000.000 đồng và của ông Nguyễn Đăng C số tiền 2,5 tỷ đồng. Do đó ngày 12/6/2015 ông Đ, ông C và ông L cùng vợ chồng Ông T, bà N thống nhất chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Đ và ông C sang cho ông L để Ông T và bà Nnhận nợ ông L , bà T số tiền 4.307.777.000 đồng (trong đó có 4.250.000.000 đồng tiền gốc và 57.777.000 đồng tiền lãi của số tiền 1,5 tỷ vay tại Ngân hàng vì mặc dù trong hợp đồng tín dụng thể hiện Công ty C vay tiền nhưng toàn bộ số tiền này ông L vay hộ Ông T, bà N sử dụng và hàng tháng phải trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất do Ngân hàng quy định. Có những tháng Ông T, bà N chưa trả được lãi thì ông L trả thay sau đó Ông T, bà Ntrả lại cho ông L). Kể từ thời điểm chuyển nợ cho đến nay, Ông T và bà N không thanh toán trả nợ như cam kết.

Do đó, ngày 29/9/2015 ông L , bà T đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ lần 1, ngày 25/10/2015 gửi thông báo yêu cầu trả nợ lần 2 nhưng cho đến nay, Ông T và bà N vẫn không trả tiền. Ông L đề nghị Ông T và bà N có trách nhiệm trả nợ cho ông L và bà T số tiền gốc là 4.250.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 9%/năm kể từ ngày 12/6/2015 cho đến nay theo đúng như cam kết trong Giấy vay tiền và khoản tiền lãi trả nợ Ngân hàng 57.777.000 đồng. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng đã ký kết để vay tiền tại Ngân hàng, ông L , bà T không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị đơn, ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N do bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ông T, bà N là hàng xóm của ông Nguyễn Đăng C. Từ mối quan hệ này Ông T và bà N vay của ông C số tiền 2,5 tỷ đồng và vay của ông Nguyễn Đăng Đ (anh trai ông C) số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 22/12/2013 ông bà ký giấy ủy quyền bìa đỏ nhà đất diện tích 79,3m^2 để nhờ ông Nguyễn Đăng L (là em trai ông C) với tư cách Giám đốc Công ty TNHH C vay tiền tại Ngân hàng C, chi nhánh Bình Xuyên với số tiền là 1,5 tỷ đồng. Ông L , bà T đưa thêm cho Ông T, bà N vay 100.000.000 đồng. Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2015 ông bà đã trả đầy đủ số tiền lãi cho Ngân hàng. Tổng số tiền ông bà ký nhận nợ với ông L, bà T là 4.307.777.000 đồng nhưng thực chất có 4.250.000.000 đồng tiền gốc, 57.777.000 đồng tiền lãi của số tiền 1,5 tỷ đồng mà ông L đã trả thay tại Ngân hàng.

Ngày 12/6/2015 ông bà trả cho ông L , bà T 1,8 tỷ đồng và yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L , bà T không đồng ý và các bên đã chốt cả khoản nợ của ông C và ông Đ. Do đó ông bà có viết giấy nhận nợ đối với ông L , bà T số tiền 4.307.777.000 đồng và từ đó cho đến nay ông bà chưa trả cho ông L , bà T đồng nào. Ông bà đồng ý trả cho ông L , bà T toàn bộ số tiền trên nhưng đề nghị được trả nợ làm nhiều lần và đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng và hợp đồng thế chấp tài sản, ông bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện Công ty TNHH C do ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc trình bày:

Ngày 24/12/2013 Ông T, bà N ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 79,3m^2 thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41+52 vị trí thửa đất tại khu hành chính 12, phường L, thành phố V, Vĩnh Phúc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hồng Mỹ T để cho công ty TNHH C vay số tiền 1,5 tỷ đồng (thực chất số tiền này Ông T, bà N nhờ Công ty vay hộ nên ông L đã đưa toàn bộ tiền cho Ông T, bà N và hàng tháng Ông T, bà N trả lãi theo lãi suất vay của Ngân hàng). Hiện nay quyền sử dụng đất và Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại Ngân hàng C chi nhánh Bình Xuyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng đang quản lý. Công ty không đề nghị xem xét đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đối với số tiền vay 1,5 tỷ đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Đăng Đ trình bày: Ông T, bà N là hàng xóm nhà ông. Ông có cho Ông T, bà N vay số tiền 150.000.000 đồng có viết giấy biên nhận. Đây là khoản tiền của mình ông, không liên quan gì đến vợ con. Ông được biết các em trai là Nguyễn Đăng C và Nguyễn Đăng L cũng cho Ông T, bà N vay tiền nên các bên thống nhất chuyển nợ cho ông L. Do đó, ngày 12/6/2015 Ông T, bà N ký giấy nhận nợ với ông L , bà T số tiền 4.307.777.000 đồng và ông đã đưa lại giấy vay tiền cho Ông T, bà N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Đăng C trình bày:

Năm 2014 Ông T, bà Ncó vay của ông tiền làm nhiều lần với tổng số là 2,5 tỷ đồng. Ngày 12/6/2015 các anh em ông gồm ông Đ, ông C và ông L cùng Ông T, bà N thống nhất Ông T, bà Nnhận nợ với ông L, bà Tsố tiền 4.307.777.000 đồng nên Ông T, bà N không còn vay nợ của ông nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện Ngân hàng C do ông Nguyễn Hoàng L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/6/2014 Ngân hàng TMCP C- chi nhánh Bình Xuyên ký hợp đồng tín dụng số 14.51.0016/2014 với Công ty TNHH C, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng L - Giám đốc. Theo đó, Ngân hàng cho Công ty C vay số tiền 1,5 tỷ đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng diện tích đất 79,3m^2 và tài sản gắn liền với đất tại khu hành chính 10, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc thửa số 221C, tờ bản đồ 41+ 52 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 833018 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2008 mang tên Hồng Mỹ T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay Ngân hàng vẫn đang quản lý. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với khoản nợ của Công ty C và không đề nghị giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp cũng như hợp đồng tín dụng. Việc ông L , bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không chấp hành

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 12/6/2015 ông Hồng Mỹ T, bà Nguyễn Thị N ký Giấy nhận nợ với ông Nguyễn Đăng L , bà Phạm Thị T số tiền 4.307.777.000 đồng với nội dung trả lãi hàng tháng theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do Ông T và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L , bà T khởi kiện yêu cầu Ông T, bà N trả nợ theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết ngày 12/6/2015. Do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[3]Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Mặc dù hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập ngày 12/6/2015 là hợp đồng không kỳ hạn, có lãi suất nhưng đến nay phát sinh tranh chấp do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Giao dịch dân sự mà các bên đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 688 của Bộ luật dân sự thì pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Đăng C, Nguyễn Đăng Đ và vợ chồng ông Nguyễn Đăng L , bà Phạm Thị T cho vợ chồng ông Hồng Mỹ T, bà Nguyễn Thị N vay tiền, cụ thể như sau: Ông T, bà N vay của ông C 2,5 tỷ đồng, vay của ông Đ 150.000.000 đồng, vay của ông L, bà T 1,6 tỷ đồng và thiếu nợ 57.777.000 đồng tiền lãi Ngân hàng của số tiền 1,5 tỷ đồng.

Ngày 12/6/2015 các bên thống nhất chuyển toàn bộ khoản tiền nợ của vợ chồng Ông T, bà Nđối với ông Đ, ông Ccho vợ chồng ông L, bà T. Theo đó Ông T, bà N có trách nhiệm trả nợ cho ông L , bà T tổng số tiền là 4.307.777.000 đồng. Do đó ngày 12/6/2015 Ông T, bà N ký giấy vay tiền với vợ chồng ông L, bà T số tiền là 4.307.777.000 đồng (thực chất là chuyển nợ của ông C và ông Đ sang cùng với ông L). Lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng Nhà nước, nhưng từ khi ký giấy vay tiền cho đến nay, Ông T, bà N không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N đồng ý trả cho ông L, bà T toàn bộ số tiền theo như giấy nhận nợ nhưng đề nghị được trả dần làm nhiều kỳ, đồng thời được miễn toàn bộ tiền lãi.

Phía ông L không đồng ý được trả dần làm nhiều kỳ và không đồng ý miễn lãi mà yêu cầu trả toàn bộ tiền gốc cùng khoản tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng quy định là 9%/năm (0,75%/tháng) theo như Giấy vay tiền mà các bên đã ký kết.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, cần buộc Ông T, bà N có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc là 4.250.000.000 đồng. Đối với số tiền 57.777.000 đồng là khoản tiền lãi của số tiền vay tại Ngân hàng 1.500.000.000 đồng nên không tính lãi.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông L, bà T: Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 thì lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Do đó tiền lãi của ông L, bà T được tính như sau: Từ ngày 12/6/2015 đến ngày xét xử 09/8/2017 là 25 tháng 27 ngày: 4.250.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 25 tháng 27 ngày = 825.562.500 đồng + 57.777.000 đồng tiền lãi Ngân hàng ông L trả thay = 883.339.500 đồng.

Cộng cả gốc và lãi là: 4.250.000.000 đồng tiền gốc + 883.339.500 đồng tiền lãi = 5.133.339.500 đồng.

Trong vụ án này, Công ty TNHH C do ông Nguyễn Đăng L làm giám đốc có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C - chi nhánh Bình Xuyên để vay số tiền 1,5 tỷ đồng (vay hộ Ông T, bà N và ông bà ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh là quyền sử dụng nhà đất Giấy chứng nhận mang tên Hồng Mỹ T) và hiện nay Ngân hàng đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất nhưng các đương sự đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N phải nộp 112.000.000 đồng + 0,1% (5.133.339.500đ - 4.000.000.000đ) = 113.133.339đ (làm tròn 113.133.000 đồng)

Ông L , bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466; 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T đối với ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T tổng số tiền là 5.133.339.500 đồng (trong đó nợ gốc là 4.250.000.000 đồng, nợ lãi là 883.339.500 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đăng L , bà Phạm Thị T có đơn đề nghị thi hành án mà ông Hồng Mỹ T, bà Nguyễn Thị N chưa trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng Mỹ T và bà Nguyễn Thị N phải chịu là 113.133.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông L, bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng theo biên lai số 04788 ngày 08/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Nữ Hương Huyền

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố;*
- *Chi cục THA thành phố;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+ VP.*